

Số: 1034/TB-ĐHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019

## THÔNG BÁO

### Lịch thi chuẩn đầu ra Ngoại ngữ đối với sinh viên hệ Liên kết quốc tế Trường ĐHNN-ĐHQGHN năm học 2019 -2020

Căn cứ vào Hướng dẫn thu học phí, lệ phí năm học 2019-2020 của Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN);

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học 2019-2020 của Trường ĐHNN - ĐHQGHN;

Trường ĐHNN - ĐHQGHN thông báo lịch thi chuẩn đầu ra Ngoại ngữ đối với sinh viên hệ Liên kết quốc tế của Trường ĐHNN năm học 2019 - 2020 như sau:

#### 1. Lịch thi và thời hạn đăng ký dự thi

TT	Lịch thi	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Định dạng đề thi	Thời hạn nộp hồ sơ và lệ phí thi
1	28/09/2019 (Thứ 7)	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	04/09/2019-10/09/2019
2	23/11/2019 (Thứ 7)	Tiếng Pháp, Tiếng Trung	ĐGNLNN	04/11/2019-08/11/2019
3	21/03/2020 (Thứ 7)	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	24/02/2020-28/02/2020
4	09/05/2020 (Thứ 7)	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	20/04/2020-24/04/2020
5	16/05/2020 (Thứ 7)	Tiếng Pháp, Tiếng Trung	ĐGNLNN	
6	25/07/2020 (Thứ 7)	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	29/06/2020-03/07/2020

\* Bài thi Nói được bố trí theo các ca thi khác nhau vào chiều Thứ 7 hoặc Chủ nhật liền kề.

\* Từ năm 2020: Sinh viên hệ đào tạo Liên kết quốc tế Trường ĐHNN thi vào tháng 3, tháng 5, tháng 7.

#### 2. Đối tượng dự thi:

- Sinh viên hệ đào tạo Liên kết quốc tế Trường ĐHNN.

#### 3. Lệ phí dự thi

- Sinh viên thi lần 1: Miễn lệ phí dự thi

- Sinh viên thi từ lần 2: 300.000 VNĐ

**\*Lưu ý:** Trong vòng 05 ngày làm việc sau thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi, thí sinh rút hồ sơ thi phải nộp phí 150.000 VNĐ, sau thời hạn trên không được rút hồ sơ. Sinh viên miễn lệ phí thi không được rút hồ sơ.

#### **4. Đăng ký dự thi và nộp hồ sơ**

**Bước 1:** Thí sinh khai Phiếu đăng ký dự thi (*Phụ lục 1*)

**Bước 2:** Thí sinh nộp hồ sơ và lệ phí thi tại Khoa Đào tạo và Bồi dưỡng ngoại ngữ - Trường ĐHNN trong giờ hành chính vào các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật, các ngày nghỉ Lễ, Tết).

- Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:
  - 02 ảnh cỡ 4cm × 6cm được chụp không quá 06 tháng trước ngày đăng ký dự thi, mặt sau của ảnh ghi rõ họ và tên, ngày sinh;
  - 01 bản sao công chứng một trong những loại giấy tờ tùy thân còn hiệu lực mà thí sinh sẽ sử dụng trong kỳ thi: chứng minh nhân dân / hộ chiếu / thẻ căn cước công dân;
  - 01 bản photo Thẻ sinh viên (SV). Trường hợp mất thẻ SV hoặc thẻ SV đã hết hạn, cần có xác nhận của Khoa Đào tạo & BDNN.
  - Phiếu đăng ký dự thi.

**\* Ghi chú:** Sinh viên mang theo bản gốc giấy tờ tùy thân và Thẻ sinh viên để đối chiếu khi nộp hồ sơ.

**\* Khoa Đào tạo và Bồi dưỡng ngoại ngữ chuyển danh sách bản mềm theo mẫu và hồ sơ dự thi của thí sinh cho Trung tâm khảo thí trước khi diễn ra kì thi 10 ngày làm việc (trừ thứ Bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ). Kinh phí nộp về phòng Kế hoạch – Tài chính.**

#### **5. Định dạng đề thi**

- Định dạng bài thi VSTEP.3-5 được áp dụng cho môn thi tiếng Anh (*Phụ lục 2*).
- Định dạng bài thi ĐGNLNN được áp dụng cho tiếng Pháp, tiếng Trung trình độ từ A1 đến C2 (*Phụ lục 3*).

#### **6. Danh sách phòng thi**

Thí sinh xem địa điểm thi, danh sách phòng thi, số báo danh và lịch thi tại Website <http://vstep.vn> trước 05 ngày tổ chức thi.

#### **7. Kết quả thi**

- Thông báo tại Website <http://vstep.vn> sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.
- Trung tâm Khảo thí gửi kết quả thi đến Khoa Đào tạo và Bồi dưỡng ngoại ngữ để thông báo cho sinh viên (Trung tâm Khảo thí không xác nhận điểm).

#### **8. Phúc khảo bài thi**

- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, thí sinh có nhu cầu phúc khảo phải gửi đơn đề nghị phúc khảo bài thi và nộp phí 50.000 VNĐ/1 kỹ năng tới Phòng 106- Nhà A4 Trường ĐHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc.
- Kết quả phúc khảo được công bố chậm nhất sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ phúc khảo.

## **9. Chứng chỉ/ Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ**

- Sau ngày công bố kết quả thi trên Website, sinh viên chỉ có duy nhất một lần đăng ký và nộp phí cấp Chứng chỉ/ Giấy chứng nhận (CC/GCN) trong thời hạn 05 ngày làm việc. Sau thời hạn trên, sinh viên không đăng ký cấp CC/GCN, được coi như không có nhu cầu, đồng thời không được đăng ký cấp CC/GCN vào bất cứ thời gian nào khác. Nhà trường không xác nhận điểm thi sau thời điểm cấp CC/GCN. Nhà trường chỉ cấp CC/GCN một lần duy nhất.

- Thí sinh đăng ký và nộp 100.000 VNĐ lệ phí cấp CC/GCN tại Phòng 106- Nhà A4, Trường ĐHNN.

- Thí sinh nhận CC/GCN sau 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký cấp CC/GCN.

### **\*Ghi chú:**

- Thí sinh thi Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 3-5 (VSTEP.3-5) theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam, nếu đạt bậc 3 trở lên sẽ được cấp chứng chỉ ngoại ngữ.

- Thí sinh thi Định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ áp dụng cho tiếng Pháp và tiếng Trung, nếu đạt kết quả trình độ từ bậc 2 (A2) trở lên sẽ được cấp giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ.

## **10. Lịch phát Chứng chỉ/ Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ**

- Thứ 3 và Thứ 5 hàng tuần trong vòng 03 tháng sau khi có CC/GCN.

- Địa điểm: tại Trung tâm Khảo thí - Phòng 106- Nhà A4 - Trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Trân trọng thông báo./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường (để biết);
- Phòng KHTC (để phối hợp thực hiện);
- Các đơn vị đào tạo (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: HCTH, KT, HY35.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã kí)

**Đỗ Tuấn Minh**

**Phụ lục 1: Mẫu Phiếu đăng ký dự thi**

Mã:

Số hồ sơ:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6

Ghi rõ họ tên, ngày  
tháng năm sinh sau ảnh  
và dán tại đây

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**PHIẾU ĐĂNG KÍ DỰ THI**  
**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**  
Kỳ thi ngày ...../...../.....

Họ và tên:..... Giới tính:  Nam  Nữ; Dân tộc:.....

Ngày sinh (ngày/tháng/năm):..... Nơi sinh (tỉnh/TP):.....

Số CMND/TCC/HC: ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Mã số học viên/sinh viên..... Lớp:..... Ngành:.....

Email: ..... Điện thoại: .....

**Đối tượng:**  SV của Trường ĐHNN-ĐHQGHN  Sinh viên của ĐHQGHN

Học viên SDH của ĐHQGHN

Tự do (không thuộc các đối tượng trên)

**Ngoại ngữ:**  ANH  NGA  PHÁP  TRUNG

ĐỨC\*  NHẬT\*  HÀN\*

\* Đức – Nhật – Hàn: chỉ dành cho sinh viên chính quy chuyên ngành ngoại ngữ (Đức – Nhật – Hàn)  
của trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN thi Chuẩn đầu ra C1

**Trình độ:**  A1  A2  B1  B2  C1

*Tôi xác nhận đã đọc thông tin về kỳ thi và cam đoan thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Hội đồng thi. Kết quả thi của tôi có thể được sử dụng vào mục đích nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đánh giá năng lực ngoại ngữ*

**XÁC NHẬN ĐÃ NỘP HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ DỰ THI**

**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN ĐÃ NỘP HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ ĐĂNG KÍ DỰ THI**

Họ và tên:..... Giới tính:  Nam  Nữ

Ngày sinh:..... Số CMND:.....

Lệ phí thi: ..... Số hồ sơ: .....

*Tôi xác nhận đã đọc thông tin về kỳ thi và cam đoan thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Hội đồng thi. Kết quả thi của tôi có thể được sử dụng vào mục đích nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đánh giá năng lực ngoại ngữ*

- Thí sinh xem thông báo về kỳ thi tại Website: <http://vstep.vn> trong vòng 05 ngày trước ngày thi.

- Trước khi vào phòng thi, thí sinh xuất trình một trong những loại giấy tờ tùy thân còn hiệu lực sau: chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu, thẻ HS (học sinh tiểu học hoặc THCS).

- Lịch tập huấn: Ngày .... tháng..... năm 201... tại Hội trường Võ Đình Liên Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.

- Thí sinh chỉ được mang vào phòng thi giấy tờ tùy thân, bút bi, bút chì, tẩy; không được mang tài liệu, thiết bị, dụng cụ khác, kể cả đồng hồ đeo tay. Hội đồng thi không chịu trách nhiệm về tư trang của thí sinh.

- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, sinh viên và học viên trong ĐHQGHN (trừ TS nộp lệ phí thi 1,800,000 đ) cần đăng ký và nộp phí cấp chứng chỉ trong vòng 05 ngày làm việc (sau thời hạn trên, TS không được đăng ký cấp CC vào bất cứ thời gian nào) tại P.106, Nhà A4, ĐHNN.

**Phụ lục 2: Định dạng đề thi VSTEP.3-5**

<b>Bài thi</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Mục đích</b>
Nghe hiểu	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi đa lựa chọn (MCQ)	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi đa lựa chọn (MCQ) đã in sẵn trong đề thi.	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.
Đọc hiểu	60 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi đa lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi đa lựa chọn sau mỗi bài đọc.	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.
Viết	60 phút	2 bài viết	Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng kiến thức và trải nghiệm của mình để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết sản sinh.
Nói	12 phút	3 phần: Tương tác xã hội Thảo luận giải pháp Phát triển chủ đề	Phần 1: Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Phần 2: Thảo luận giải pháp Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại. Phần 3: Phát triển chủ đề Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.

**Bảng điểm quy đổi của VSTEP.3-5**

<b>Điểm TB</b>	<b>Bậc năng lực</b>	<b>Mô tả tổng quát</b>
<b>0 – 3,5</b>	<b>Không xét</b>	Không có mô tả
<b>4,0 – 5,5</b>	<b>3</b>	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng ngôn ngữ. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.
<b>6,0 – 8,0</b>	<b>4</b>	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
<b>8,5 - 10</b>	<b>5</b>	Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng có kiểm soát các kiểu tổ chức văn bản, sử dụng tốt các liên từ, và các phương tiện liên kết.

### Phụ lục 3: Định dạng bài thi ĐGNLNN

Môn thi, Thời gian	Định dạng bài thi	Mục đích
<b>1. Từ vựng-Ngữ pháp</b> 25 phút	Chọn phương án trả lời đúng 40 câu/2 phần <i>Phần 1:</i> Tìm lỗi sai trong câu <i>Phần 2:</i> Chọn từ đúng để hoàn thành câu	Đánh giá các kỹ năng nhận biết câu đúng của ngôn ngữ đích. Kiểm tra khả năng sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp phù hợp trong tình huống của ngôn ngữ đích.
<b>2. Đọc</b> 55 phút	Chọn phương án trả lời đúng 50 câu/3 hoặc 5 bài đọc Các bài đọc có các chủ đề khác nhau Mỗi bài đọc có độ dài từ 500-700 từ	Đánh giá kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt các thông tin theo yêu cầu của đề thi.
<b>3. Nghe</b> ≈ 35 phút	Chọn phương án trả lời đúng 50 câu/3 phần <i>Phần 1:</i> Nghe các hội thoại ngắn <i>Phần 2:</i> Nghe hội thoại có độ dài vừa phải <i>Phần 3:</i> Nghe bài nói chuyện, bài giảng...	Đánh giá khả năng nghe hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin theo yêu cầu trong đề
<b>4. Viết</b> 60 phút	Viết 2 bài <i>Bài 1:</i> Viết thư theo một chủ đề cho trước. Độ dài tối thiểu 150 từ <i>Bài 2:</i> Viết bài luận. Độ dài tối thiểu 250 từ	Đánh giá khả năng viết bằng ngôn ngữ đích, đặc biệt kỹ năng hiểu và phân tích số liệu; kỹ năng viết bài luận.
<b>5. Nói</b> 10 phút	Phỏng vấn trực tiếp không có chuẩn bị trước 3 phần/đề <i>Phần 1:</i> Chào hỏi và giới thiệu bản thân <i>Phần 2:</i> Giao tiếp theo tình huống <i>Phần 3:</i> Tranh luận theo chủ đề	Đánh giá khả năng diễn đạt ngôn ngữ đích của thí sinh thông qua giao tiếp trực tiếp với giám khảo, giao tiếp theo tình huống và tranh luận với giám khảo theo chủ đề.